

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10-7-2019

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM- TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngọc

Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn P, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Văn P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C ngày 10 tháng 02 năm 2010.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên kinh cãi; ông P nhậu nhẹt về nhà đánh đập bà T, sự việc diễn ra trong thời gian dài. Năm 2010 bà T đã nộp đơn xin ly hôn nhưng vì con còn nhỏ nên bà T đã rút đơn về tiếp tục

chung sống với nhau nhưng ông P không tôn trọng bà T mà đánh đập bà T nhiều hơn. Từ cuối năm 2018 bà T đã phải về nhà cha mẹ ruột để sống. Bà T nhận thấy không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống với ông P nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Văn P có 01 con chung là Lê Chí T, sinh ngày 03/4/2010, con chung hiện tại đang sống với ông P. Do bà T phải đi làm xa không có điều kiện chăm sóc con nên bà T để cho ông P nuôi dưỡng con chung, tạm thời bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn P trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng T tự nguyện chung sống và kết hôn tại UBND xã C đúng như bà T đã trình bày.

Trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, bà T phải đi làm ăn xa, không rõ vì lý do gì từ tháng 02 năm 2019 bà T đã bỏ nhà đi không quay về mà còn nộp đơn xin ly hôn. Ông P muốn Tòa án hòa giải để được đoàn tụ, con cái có cha mẹ nên ông P không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng T có 01 con chung là Lê Chí T, sinh ngày 03/4/2010, con chung hiện tại đang sống với ông P. Trong trường hợp phải ly hôn, ông P yêu cầu được nuôi con chung để việc học hành của con được ổn định; ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông P và bà T không có tài sản chung nên ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông Lê Văn P đã được triệu tập lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 27 tháng 6 năm 2019 và ngày 10 tháng 7 năm 2019, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Văn P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 10 tháng 02 năm

2010 theo Giấy chứng nhận kết số 03 quyền 01/2010 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nên thường xuyên kinh cãi. Từ tháng 02 năm 2019 vợ chồng không còn chung sống với nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng.

Ông P không muốn ly hôn nhưng từ khi bà T bỏ nhà đi, ông P không liên lạc hay có biện pháp gì hàn gắn được tình cảm với bà T; tại các phiên hòa giải ông P được tổng đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Như vậy, ông P không có thiện chí hàn gắn tình cảm với T; bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông P. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Văn P có 01 con chung là Lê Chí T, sinh ngày 03/4/2010. Xét thấy ông P có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và con chung đang ở với ông P; bà T không có chỗ ở ổn định; nguyện vọng của con cũng mong muốn được sống với ông P.

Để đảm bảo cuộc sống cháu T nên giao con chung cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về chia tài sản chung khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Văn P không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn ông Lê Văn P.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Lê Chí T, sinh ngày 03/4/2010 cho ông Lê Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Lê Văn P không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp

nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Lê Văn P được quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004682 ngày 12/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi Cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phi